

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2018/DS - PT
Ngày: 03/4/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2017/TLPT-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2017/DS-ST, ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam

Địa chỉ: đường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Châu T – Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)

- Ông Nguyễn Minh T – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018)

- Bà Lê Thị Nhã T – Chức vụ: Cán bộ Quản lý khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Mai H, sinh năm 1974,

Địa chỉ: Đường B, phường 2, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Mai H: Ông Trần N, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2016)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Võ Quốc H, sinh năm 1976,

2. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1970,

3. Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1996,

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà P, chị H: Bà Lê Thị Thùy V, sinh năm 1974, địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2017)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Huỳnh Thị Mai H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc H, bà Huỳnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam trình bày:

Bà H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và 03 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012. Theo đó: Số tiền vay là 6.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng; Mục đích vay là nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 279,3m² và tài sản trên đất thuộc thửa 46, 51, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường N, thành phố B và phần đất có diện tích 1.454,9m² và tài sản trên đất thuộc thửa 77, 116, 117, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại phường B, thành phố B để ở và sản xuất kinh doanh thạch dừa; lãi suất là 19%/năm, thả nổi sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 04 lần/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà H đã ký hai hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011, theo đó bà H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (nhà ở, nhà kho và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị của hộ ông Võ Quốc H) có diện tích 1.454,9 m² thuộc thửa số 77, 116, 117 tờ bản đồ số 13, 21, tọa lạc tại phường B,

thành phố B (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 042966, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V667554 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp cho hộ ông H và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 300/CN-XD do Sở xây dựng Bến Tre cấp).

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012, theo đó bà H thế chấp thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường B, thành phố B có diện tích 1.455 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 548991 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/5/2012); thửa đất số 51, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường N, thành phố B có diện tích 186,5 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 934749 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 27/3/2012); Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường N, thành phố B có diện tích 92,8 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 934750 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 27/3/2012) và quyền sở hữu nhà đối với căn nhà tại địa chỉ 173C3, đường Nguyễn Văn Tư, phường B, thành phố B có diện tích xây dựng là 73,4 m², diện tích sàn là 142,9 m², kết cấu vách gạch, khung cột bê tông cốt thép, nền gạch Ceramic, mái ngói, cấp 4, 02 tầng, xây dựng năm 2004 (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 548991 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/5/2012).

Trong quá trình vay vốn, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 51 và thửa đất số 46, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường N, thành phố B để thu hồi nợ. Đối với khoản nợ vay còn lại, Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 tính đến ngày 26/9/2017 là 9.151.384.611 đồng; nợ gốc là 4.980.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 4.171.384.611 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 3.889.578.389 đồng, nợ lãi quá hạn là 281.806.222 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 27/9/2017 đến khi bà H trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Nếu bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 77, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường B, thành phố B (trước đây là thửa 77, tờ bản đồ số 13 và các thửa 116, 117 tờ bản đồ 21 cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B) theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H, Ngân hàng không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Mai H trình bày:

Bà H có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Bến Tre theo đúng như trình bày của đại diện Ngân hàng. Tuy nhiên, bà H không có vay Ngân hàng, thực chất người vay là ông H và bà P, bà H chỉ nhận chuyển nhượng đất của ông H và bà P để cơ cấu lại nợ cho ông H, bà P tại Ngân hàng, việc nhận chuyển nhượng này cũng là hình thức. Do đó, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà yêu cầu hủy hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà H và Ngân hàng.

Bà H có yêu cầu phản tố là yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2011 và ngày 21/12/2011 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 và các thửa đất số 116, 117 tờ bản đồ số 21 cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B (hiện nay 03 thửa đất này hợp thành 01 thửa là thửa 77, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại phường 7, trên đất có nhà của ông H và bà P). Nguyên nhân yêu cầu hủy: không có việc chuyển giao tài sản giữa ông H, bà P và bà H mà chỉ là hợp thức hóa việc vay nợ của ông H, bà P tại Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc H, bà Huỳnh Thị P, bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

Khoản nợ vay của bà H tại Ngân hàng thực chất là khoản nợ vay của ông H và bà P. Ông H và bà P thừa nhận số nợ vay đối với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 tính đến ngày 26/9/2017 là 9.151.384.611 đồng, trong đó: Nợ gốc là 4.980.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 4.171.384.611 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 3.889.578.389 đồng, nợ lãi quá hạn là 281.806.222 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông H và bà P đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2017 cho đến khi ông bà trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần.

Ông H và bà P thống nhất với yêu cầu phản tố của bà H.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 152/2017/DS-ST, ngày 28/9/2017 có quyết định:

Căn cứ vào các Điều 342, 355, 697 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; các Điều 306, 317, 319 của Luật thương mại; Các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 147, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Cụ thể tuyên:

Buộc bà Huỳnh Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày

30/11/2011 và 03 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre tính đến ngày 26/9/2017 là 9.151.384.611 đồng (Chín tỷ một trăm năm mươi một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười một đồng), trong đó nợ gốc là 4.980.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng), tổng nợ lãi là 4.171.384.611 đồng (Bốn tỷ một trăm bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười một đồng), gồm nợ lãi trong hạn là 3.889.578.389 đồng (Ba tỷ tám trăm tám mươi chín triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 281.806.222 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị Mai H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và 03 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre kể từ ngày 27/9/2017 đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Huỳnh Thị Mai H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre. Cụ thể là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 77, tờ bản đồ 13 và các thửa số 116, 117, tờ bản đồ 21, cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B (Hiện nay 03 thửa đất này hợp thành 01 thửa là thửa 77, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại phường B, thành phố B).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mai H về việc hủy hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mai H về việc yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2011 và ngày 21/12/2011 đối với thửa 77, tờ bản đồ 13 và các thửa 116, 117, tờ bản đồ 21 cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B (Hiện nay 03 thửa đất này hợp thành 01 thửa là thửa 77, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại phường B, thành phố B).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2017, bà Huỳnh Thị Mai H, ông Võ Quốc H và bà Huỳnh Thị P kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B. Theo đơn kháng cáo có nội dung bà H, ông H, bà P không đồng ý với bản án sơ thẩm do án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá một cách toàn diện các tình tiết khách quan của vụ án dẫn đến gây thiệt thòi cho quyền lợi của ông bà. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bác kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mai H, ông Võ Quốc H, bà Huỳnh Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam khởi kiện bà Huỳnh Thị Mai H trả số nợ vay cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 26/9/2017 là 9.151.384.611 đồng (nợ gốc là 4.980.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 4.171.384.611 đồng, trong đó lãi trong hạn là 3.889.578.389 đồng, nợ lãi quá hạn là 281.806.222 đồng) và yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 27/9/2017 đến khi bà H trả dứt nợ cho Ngân hàng. Nếu bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2] Chứng cứ Ngân hàng khởi kiện là hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011; Ba văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012; hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H với Ngân hàng; Giấy đề nghị vay vốn ngày 28/11/2011. Theo đó Ngân hàng cho rằng bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ trên. Bà H thừa nhận có ký tên các hợp đồng để vay vốn tại Ngân hàng và hiện còn nợ Ngân hàng số tiền nêu trên, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Nhưng bà H cho rằng số nợ vay Ngân hàng thực chất là số nợ vay của ông H, bà P nên bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Người có quyền lợi và liên quan ông H, bà P thừa nhận số nợ vay của bà H thực chất là của ông H, bà P và ông bà đồng ý trả số nợ vay này cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà H và

ông H, bà P không có chứng cứ nào chứng minh số tiền vay nêu trên là bà H vay dùm ông H, bà P. Các hợp đồng ký kết với Ngân hàng cũng do một mình bà H ký. Khi bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 51 và thửa đất số 46, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường N, thành phố B để thu hồi nợ mà bà H, ông H, bà P cũng không có ý kiến gì. Nên kháng cáo của bà H, ông H và bà P là không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, ông H, bà P phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Mai H, ông Võ Quốc H, bà Huỳnh Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự số 152/2017/DS-ST, ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 342, 355, 697 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; các Điều 306, 317, 319 của Luật thương mại; Các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 147, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Cụ thể tuyên:

Buộc bà Huỳnh Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và 03 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre tính đến ngày 26/9/2017 là 9.151.384.611 đồng (Chín tỷ một trăm năm mươi một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười một đồng), trong đó nợ gốc là

4.980.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng), tổng nợ lãi là 4.171.384.611 đồng (Bốn tỷ một trăm bảy mươi một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười một đồng), gồm nợ lãi trong hạn là 3.889.578.389 đồng (Ba tỷ tám trăm tám mươi chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 281.806.222 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Bà Huỳnh Thị Mai H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và 03 văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2012/VBSĐBS ngày 21/5/2012, số 02/2012/VBSĐBS ngày 25/5/2012, số 03/2012/VBSĐBS ngày 26/11/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre kể từ ngày 27/9/2017 đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Nhưng để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Huỳnh Thị Mai H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre. Cụ thể là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 77, tờ bản đồ 13 và các thửa số 116, 117, tờ bản đồ 21, cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B (Hiện nay 03 thửa đất này hợp thành 01 thửa là thửa 77, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại phường B, thành phố B).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mai H về việc hủy hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2011/HĐ ngày 30/11/2011 và hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 21/5/2012 giữa bà Huỳnh Thị Mai H và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chi nhánh Bến Tre.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Mai H về việc yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2011 và ngày 21/12/2011 đối với thửa 77, tờ bản đồ 13 và các thửa 116, 117, tờ bản đồ 21 cùng tọa lạc tại phường B, thành phố B (Hiện nay 03 thửa đất này hợp thành 01 thửa là thửa 77, tờ bản đồ 21, tọa lạc tại phường B, thành phố B).

4. Chi phí thu thập chứng cứ: 2.466.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), bà Huỳnh Thị Mai H phải chịu và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Mai H phải chịu là 117.151.385 đồng (một trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi một ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0011691 ngày 08/01/2015, biên lai số 0011692 ngày 08/01/2015, biên lai số 0011693 ngày 08/01/2015, biên lai số 0012001

ngày 14/3/2016, biên lai số 0012002 ngày 14/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bà H phải nộp thêm 108.951.385 đồng (một trăm lẻ tám triệu chín trăm năm mươi một ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng)

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 57.448.000 đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013182 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013121 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Võ Quốc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013120 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Tư